

Contents

- 2 日本語版
- 4 Bản tiếng Việt [ベトナム語版]
- 6 中文版 [中国語版]
- 8 Bersyon sa Pilipino [フィリピン語版]
- 10 Edisi Bahasa Indonesia [インドネシア語版]
- 12 ฉบับภาษาไทย [タイ語版]
- 14 ភាសាខ្មែរ [カンボジア語版]
- 16 မြန်မာဘာသာ မူ [ミャンマー語版]
- 18 Монгол хэл дээрх хувилбар [モンゴル語版]
- 20 English Version [英語版]

こくごのもり

小学低学年の児童を対象に国語の楽しさを知ってもらおうと、イラストを多用してつくった問題で「毎日小学生新聞」に長期連載。

©毎日小学生新聞 複製、転用はできません

こくごのもり
指導・元世田谷区立
小学校教諭
高橋 裕子
イラスト・奈良 恵

上
上

山^{やま}のちよう^{よう}見^みえる。 が

川^{かわ}を ろう。

川^{かわ} めぎして

ねだん^{ねだん}が がる。

着^きをぬく。

ほく^{ほく}より年^{とし}

下
下

わたし^{わたし}より年^{とし}

着^きを着^{きる}る。

ねだん^{ねだん}が がる。

川^{かわ} めぎして

川^{かわ}を ろう。

地^ち のトンネル

校^{こう}の音楽^{おんがく}

「上」「下」には、いろいろな読み方が
あります。
 に、その読み方を書きましょう。

答えはP22にあります。

Bạn Của Thực Tập Sinh Kỹ Năng

Số mùa Xuân, 4/2021

5 bối cảnh tăng nguy cơ lây nhiễm vi-rút corona

Tính tới thời điểm này (2/2021), Nhật Bản vẫn đang ở trong tình trạng phải thực hiện các biện pháp phòng chống để ngăn chặn tình trạng vi-rút corona lây lan. Chính phủ Nhật Bản đã tóm tắt 5 tình huống có khả năng lây nhiễm cao và thể hiện dưới hình thức tranh minh họa. Đây là kết quả sau khi đã phân tích việc lây nhiễm theo cụm (ổ dịch). Sau đây chúng tôi xin giới thiệu tóm tắt về 5 tình huống này.

Tình huống 1: Tiệc tùng có rượu bia; Tình huống 2: Ăn uống đông người trong thời gian dài và Tình huống 3: Nói chuyện không đeo khẩu trang

Hãy ăn uống với ít người và trong thời gian ngắn. Khi ăn có thể bỏ khẩu trang nhưng ăn xong, đeo khẩu trang rồi hãy nói chuyện. Khi ăn hãy chia đồ ăn riêng cho từng người. Tránh dùng đĩa gấp chung thức ăn từ đĩa lớn và dùng cốc uống chung.

Tình huống 4: Sinh hoạt chung trong không gian hẹp

Nếu phải ở chung với nhau trong một không gian hẹp hãy giữ cho không khí luôn lưu thông. Tránh ngủ chung.

Tình huống 5: Thay đổi địa điểm

Mặc dù chúng ta luôn lưu ý đề phòng lây nhiễm nhưng khi nghỉ giải lao hoặc ở nơi hút thuốc, chúng ta dễ lơ là. Hãy luôn thực hiện việc đeo khẩu trang, rửa tay và sát trùng.

Những hình ảnh minh họa này có tiếng Việt kèm tiếng Nhật đơn giản và được đăng trên trang chủ của Hiệp hội Thực tập sinh kỹ năng Người nước ngoài (OTIT). Các bạn hãy truy cập và tải về nếu cần.

https://www.otit.go.jp/CoV2_jissyu_kansen/

「5 Bối cảnh」 làm tăng nguy cơ Lây nhiễm

Bối cảnh 1: Tiệc tùng kèm rượu bia

- Rượu bia làm tâm trạng trở nên hưng phấn và làm giảm sự chú ý. Hơn nữa, uống rượu bia cũng làm nghệ cảm đau đớn do nó tạo ra.
- Đặc biệt, việc tụ tập đông người trong một không gian không gian nhỏ hẹp trong thời gian dài sẽ làm tăng nguy cơ lây nhiễm.
- Ngoài ra, việc dùng chung cốc / uống vòng tròn hay dùng chung đĩa cũng làm tăng nguy cơ lây nhiễm.

Bối cảnh 2: Tập ăn uống đông người trong thời gian dài

- Việc tiệc tùng hay tiếp khách làm ăn uống trong thời gian dài hoặc uống nhiều tăng dần làm khuỷa làm tăng nguy cơ lây nhiễm hơn so với việc ăn uống trong thời gian ngắn.
- Việc ăn uống đông người ví dụ: 2 người trở lại) sẽ dễ gây kết tụ và văng giọt bắn ra xung quanh nên cũng làm tăng nguy cơ lây nhiễm.

Bối cảnh 3: Trò chuyện mà không đeo khẩu trang

- Trò chuyện ở khoảng cách gần mà không đeo khẩu trang sẽ làm tăng nguy cơ lây nhiễm qua giọt bắn hay giọt bắn siêu vi.
- Một trong những trường hợp lây nhiễm do không đeo khẩu trang đã được ghi nhận là đi hát karaoke vài lần ngày...
- Cần lưu ý ngay cả khi ở trong xe trong trường hợp đi chuyển bằng xe ô tô hoặc xe buýt.

Bối cảnh 4: Sinh hoạt chung trong không gian hẹp

- Sinh hoạt chung trong môi trường không gian hẹp sẽ làm tăng nguy cơ lây nhiễm do cùng chung không gian kín trong thời gian dài.
- Một số trường hợp nghỉ ngơi lây nhiễm từ các khu vực công cộng như kỹ túc xá, nhà vệ sinh... cũng đã được báo cáo.



Bối cảnh 5: Thay đổi từ địa điểm này sang địa điểm kia

- Thay đổi địa điểm khi giải lao giữa giờ làm việc có thể làm tăng nguy cơ lây nhiễm do thả lỏng tâm lý mặt cảnh giác) hoặc do thay đổi môi trường.
- Một số trường hợp lây nhiễm đã được xác nhận tại các địa điểm như tại phòng nghỉ giải lao, nơi hút thuốc hoặc phòng thay đồ.

Nguồn: "5 bối cảnh có khả năng lây nhiễm cao" – Văn phòng Nội các

☆Chúng tôi đang tiếp nhận bài dự thi☆
**Hướng dẫn thể lệ tham dự “Cuộc thi viết tiếng Nhật cho
 Tu nghiệp sinh - Thực tập sinh kỹ năng người nước ngoài**

Từ ngày 1/4/2021, chúng tôi bắt đầu thu nhận bài viết dự thi “Cuộc thi viết tiếng Nhật cho Tu nghiệp sinh – Thực tập sinh kỹ năng người nước ngoài lần thứ 29”. Hạn chót để gửi bài là ngày 14/5 (thứ Sáu). Chi tiết xin tham khảo trong mục thông báo đăng ngày 1/2/2021 tại đường link sau đây.

Trang chủ của JITCO:  <https://www.jitco.or.jp> và trang chủ của giáo trình tiếng Nhật của JITCO:  <https://hiroba.jitco.or.jp/>

Cuộc thi hằng năm đều nhận được nhiều bài viết dự thi. Các bạn hay viết bài nói về những cảm nhận hoặc những trải nghiệm của mình nhé.

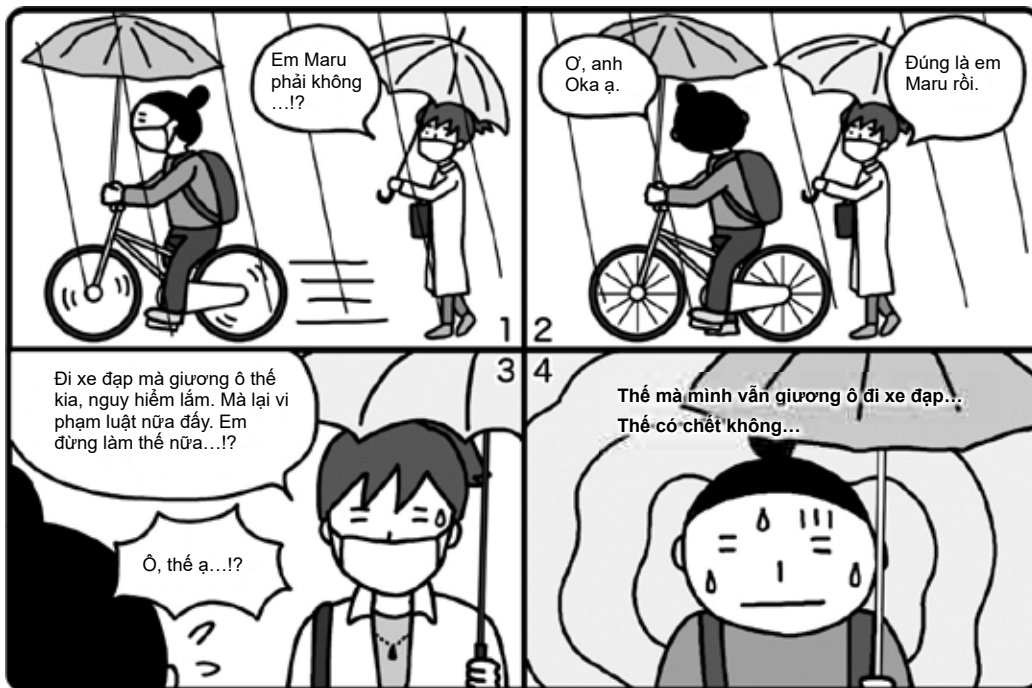
Chúng tôi mong đợi nhận được bài viết dự thi của các bạn.

Nếu dùng điện thoại thông minh, các bạn hãy truy cập vào mã số QR dưới đây để đọc được thông tin về gửi bài dự thi.



Hãy hiểu tình cảm người Nhật qua manga

— Không bao giờ đi xe đạp một tay nữa —

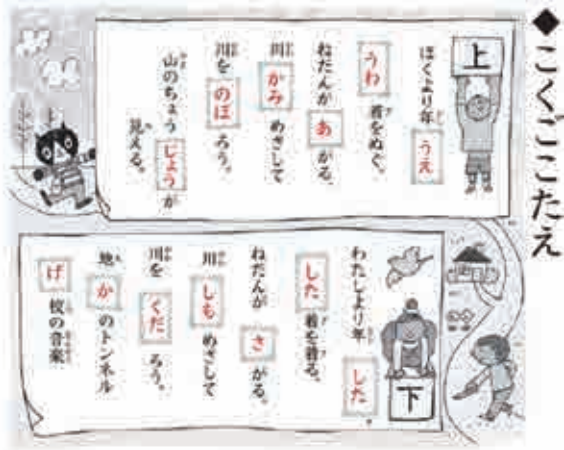


Cô Maru vội nhớ lại việc làm từ trước tới nay

Cô Maru rất ngạc nhiên khi biết việc mình làm từ trước tới nay là vi phạm luật. Khi đi xe đạp mà giương ô hoặc sử dụng điện thoại di động là vi phạm luật giao thông. Hơn nữa, nếu việc này có khả năng dẫn tới việc làm người khác bị thương hoặc bản thân bị thương nên chúng ta đừng vừa đi xe vừa cầm ô hoặc dùng điện thoại nhé.

「上」「下」は、位置や程度を表します
 が、送りがなをつけて動詞になると、幅広い
 意味をもつ言葉になります。「あ・がる」「
 さ・がる」「のぼ・る」と「くだ・る」
 など、送りがなの違いで別の言葉に変身し
 ます。

「～へ上る」の「どこ」は、上、山道、
 上流、地位などが浮かびますし、「うわさ
 に上る」「百人にも上る」などは、「とり上
 げられる」「ある数に達した」という意味
 を短い言葉で表せます。



Từ “上” – thượng/phía trên và “下” – hạ/phía dưới , dùng để chỉ vị trí. Nhưng khi được dùng làm động từ thì có nhiều ý nghĩa và cách đọc khác nhau. Ví dụ, ta có cách nói “agaru” và “sagaru”, hoặc cách nói “noboru” và “kudaru”.

Cách nói “～へ上る” (～eh agaru) thường được dùng chỉ việc “đi lên phía trên, đi lên núi, đi về thượng lưu sông, đi lên phía địa hình cao” v.v. Nhưng khi nói “うわさに上る” (uwasa ni noboru) hoặc “百人にも上る” (hyakunin ni mo noboru) hoặc “とり上げられる” (tori agerareru) v.v. thì từ này lại được dùng với nghĩa là đạt được một con số nhất định.

「上」「下」用来表示位置或程度，但后面加上送假名变成动词后，就成了有广泛意思的词语了。像「あ・がる」和「さ・がる」, 「のぼ・る」和「くだ・る」等，送假名不同会变成意思不同的词语。

「～へ上る」的～（哪里），会想到上面、山道、上流、地位等，还有像「うわさに上る」（成为街头巷尾的话题）「百人にも上る」（多达百人）等，可以将「被提到」「达到一定数量」这些意思用简短的语言表达出来。

Ang “itaas” [上] at “ibaba” [下] ay naglalarawan ng posisyon at antas ngunit pagdating sa mga pandiwa na may okurigana, mayroon silang malawak na hanay ng kahulugan. Ang [あ・がる] at [さ・がる], [のぼ・る] at [くだ・る] at iba pa ay nagiging ibang salita depende sa pagkakaiba sa okurigana. Papanik sa [～へ上る] の～（どこ）ue [上], yama michi [山道], joryuu [上流] ay naiisip, at ang uwasa ni noboru [うわさに上る], hyakunin nimo noboru [百人にも上る] at iba pa, ay nagpapahiwatig ng maikling salita na ang kahulugan ay toriagerareru [とり上げられる] at aru kazu ni tasshita [ある数に達した].

"Ue" (atas) dan "shita" (bawah) menunjukkan posisi dan derajat, tetapi bila menjadi kata kerja dengan okurigana, artinya memiliki cakupan yang luas. Kata ini berubah menjadi kata-kata lain tergantung pada perbedaan okurigana, seperti "a-garu" (naik) dan "sa-garu" (turun), "nobo-ru" (naik) dan "kuda-ru" (turun) dan sebagainya. ~ (tempat) pada "~he noboru" (naik ke...) dapat berupa atas, jalan gunung, hulu, posisi, dll. "Uwasa ni noboru" (muncul menjadi isu) dan "100 nin nimo noboru" (naik sampai seratus orang) dapat diungkapkan dalam kata-kata pendek yang berarti "diangkat" dan "mencapai jumlah tertentu".

「上」และ「下」 เป็นอักษรคันจิที่แสดงถึงตำแหน่งและระดับ เมื่อใส่โอคุริกะนะเข้าไปให้เป็นคำกริยา ก็จะได้คำที่มีความหมายกว้างขวางออกไป คำจะเปลี่ยนรูปไปเมื่อใส่โอคุริกะนะที่แตกต่างกัน เช่น 「あ・がる」 (เพิ่ม) กับ 「さ・がる」 (ลด), 「のぼ・る」 (ขึ้น) กับ 「くだ・る」 (ลง) เป็นต้น รูปประโยค 「～へ上る」 นั้น คำที่จะนำไปเติมตรง ~ (ที่ไหน) ก็ได้แก่คำว่า 上 (ข้างบน), 山道 (ทางขึ้นเขา), 上流 (ต้นน้ำ), 地位 (ตำแหน่ง) และอื่น ๆ สามารถแสดงความหมายด้วยคำสั้น ๆ เช่น 「うわさに上る」 (เป็นข่าวลือขึ้นมา), 「ある数に達した」 (ขึ้นไปถึงจำนวนหนึ่ง) เป็นต้น

「上」និង「下」 តំណាងឱ្យ ទីតាំង និងកំរិត ប៉ុន្តែ ពេលជាកិរិយាសព្វដោយភ្ជាប់ជាមួយ អុក្រិរិយា ពួកគេមានអន័យទូលំទូលាយ។ វាបំបែងទៅជាពាក្យមានន័យផ្សេងៗគ្នា អាស្រ័យលើភាពខុសគ្នានៃ អុក្រិរិយា ដូចជា 「あ・がる」 និង 「さ・がる」「のぼ・る」 និង 「くだ・る」 ជាដើម ។ សញ្ញា 「～へ上る」 នៅក្នុង 「～へ上る」 គឺសំដៅទៅ ខាងលើ ផ្លូវភ្នំ ខ្សែទឹកខាងលើ គឺសព្វតែពាក្យអំពីទីតាំង រឺ 「うわさに上る」 「百人にも上る」 ជាដើមវិញគឺ មានអត្ថន័យគេបានលើកឡើងថា «សំដៅដល់បរិមាណ» ជាដើម ដែលអាចបង្ហាញជាពាក្យខ្លី។

「上」「下」 ဆိုတာ တည်နေရာနဲ့ အတိုင်းအတာ၊ ပမာဏကို ပြသပေး အိုခူရိုဂါနု စာလုံးနဲ့တွဲပြီး ကြိုယာ ဖြစ်လာတဲ့အခါ အဓိပ္ပာယ်ကျယ်ပြန့်တဲ့ စကားလုံး ဖြစ်လာပါတယ်။ 「あ・がる」 နဲ့ 「さ・がる」「のぼ・る」 နဲ့ 「くだ・る」 စသဖြင့် အိုခူရိုဂါနု ကွဲပြားသွားတာနဲ့ သီးခြား စကားလုံးတွေအဖြစ် ပြောင်းလဲပါတယ်။ 「～へ上る」 ("～(တစ်နေရာရာကို) တက်တယ်") ဆိုတာလဲ့ "～နေရာမှာ အထက်၊ တောင်ပေါ်လမ်း၊ ဖြစ်ညာ၊ ရာထူးအဆင့် စသဖြင့် ဖြစ်လာနိုင်သလို 「うわさに上る」 「百人にも上る」 ဆိုတာတွေကတော့ "အရေးတယူ အပြောခံရတယ်"၊ "အရေးအတွက် တစ်ခုအထိ ရှိလာတယ်" ဆိုတဲ့ အဓိပ္ပာယ်တွေကို တိုတိုတုတ်တုတ် ပြသပါတယ်။

“上 / ue / дээр”, “下 / shita / доор” гэдэг нь юмны байршил, түвшнийг илэрхийлдэг бөгөөд “送りがな / okurigana / залгавар” залгаж үйл үг болохоор, өргөн утгатай үг болдог. “あ・がる / a-garu / дээшлэх / нэмэгдэх” болон “さ・がる / sa-garu / доошлох / буурах”, “のぼ・る / nobo-ru / авирах / өсөх / өгсөх” болон “くだ・る / kuda-ru / уруудах / доошлох” гэх мэтчилэнгээр, “送りがな / okurigana / залгавар”-аасаа хамааран өөр үг болж хувирдаг. “～へ上る / he noboru / -- руу авирах”-ын “-- (どこ / doko / хаана / хаашаа)” хэсэгт орох үгэнд “上 / ue / дээшээ”, “山道 / yamamichi / уулын зам”, “上流 / joryuu / урсгалын эх”, “地位 / chi-i / албан тушаал” гэх мэт үгс төсөөлөгдөж байна. Мөн “うわさに上る / uwasa ni noboru / цуу ярианы объект болох”, “百人にも上る / hyaku nin ni mo noboru / хүний тоо 100-д хүрэх” зэргээр “とり上げられる / toriagerareru / авч хэлэлцэгдэх”, “ある数に達した / aru kazu ni tasshita / тодорхой тоонд хүрсэн” гэдэг утгыг тус тус богино үгээр илэрхийлэх боломжтой.

The kanji characters for “up” and “down” express both position and degree, and they can also become words with a wide range of meanings when kana suffixes are added to create verbs. They transform into different words depending on the added kana, such as “a-garu” (rise), “sa-garu” (drop), “nobo-ru” (ascend), and “kuda-ru” (descend). In the expression “～e noboru,” words that come to mind for the ~ (doko) include ue (up), sando (mountain path), joryu (upstream), and chii (status). In phrases such as “uwasa ni noboru” (to be gossiped about) and “hyakunin ni mo noboru” (as many as 100 people) these little words express the meanings of “to become a topic of conversation” and “a certain number has been reached.”

技能実習生・研修生向母国語情報誌 発行 公益財団法人 国際人材協力機構 (JITCO)
 技能実習生の友 総務部広報室
 2021年4月 春季号 〒108-0023
 2021年4月1日発行 東京都港区芝浦 2-11-5
 五十嵐ビルディング
 電話 03-4306-1166 (ダイヤルイン)
 JITCO ホームページ https://www.jitco.or.jp/